

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới
đến năm 2020 xã Cầu Bà, huyện Khánh Vinh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ Nông nghiệp và PTNT, bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Thông Tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định, phê duyệt qui hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng về Qui định lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 3071/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quy hoạch chung các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà và đơn giá thực hiện quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ – UBND ngày 02/02/2012 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quy hoạch chung các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà và đơn giá thực hiện quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện Khánh Vinh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch, công trình: Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Cầu Bà- huyện Khánh Vinh;

Căn cứ thông báo Kết luận số 121/TB-UBND ngày 07/9/2012 của UBND huyện Khánh Vinh tại cuộc họp thông qua Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã Giang Ly, Khánh Nam, Liên Sang, Khánh Trung, Khánh Đông, Sơn Thái, Cầu Bà, Khánh Thành, Cầu Bà, Khánh Thượng, Khánh Hiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 29/9/2012 của HĐND xã Cầu Bà về việc thống nhất đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Cầu Bà;

Căn cứ Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 15/10/2012 của UBND xã Cầu Bà về việc đề nghị phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Cầu Bà, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

Xét tờ trình số 498 /Tr-KT&HT ngày 05 tháng 11 năm 2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh về việc đề nghị phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Cầu Bà,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của xã Cầu Bà, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

I. Vị trí, diện tích, quy mô dân số lập quy hoạch:

1. Ranh giới và diện tích lập quy hoạch

- Xã Cầu Bà ở phía Tây huyện Khánh Vĩnh, cách thị trấn Khánh Vĩnh 6km. Ranh giới xã được xác định như sau:

+ Phía Bắc: giáp xã Khánh Nam, ranh giới tự nhiên là suối Ya Say và sông Cái.

+ Phía Nam và Đông Nam giáp xã Khánh Thành.

+ Phía Đông giáp thị trấn Khánh Vĩnh.

+ Phía Tây: giáp xã Khánh Thượng và Liên Sang.

- Diện tích lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã, diện tích 1.993,47ha.

2. Quy mô dân số, lao động

Biểu 01: Hiện trạng, Quy hoạch dân số, lao động

TT	Hạng mục	ĐVT	Hiện trạng	Dự báo	
			2010	2015	2020
1	Tổng dân số	người	2.296	2.600	3.000
2	Tổng số hộ	hộ	527	620	730
3	Quy mô hộ	ng/hộ	4,36	4,19	4,11
4	Số người trong độ tuổi LĐ	người	1.254	1.435	1.689
	Tỷ lệ người trong độ tuổi LĐ	%	54,62	54,5	55,0
5	Tổng số LĐ có việc làm	người	1.129	1.318	1.568
6	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,9	1,7	1,5

II. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội:

a. Mục tiêu kinh tế

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành đạt 6,79% giai đoạn 2011 - 2015 và 9,03% giai đoạn 2016 - 2020, cả thời kỳ 2011-2020 đạt 7,9%.

+ Đến năm 2015, tổng giá trị sản xuất ước đạt 37.402 triệu đồng, thu nhập

bình quân đạt trên 10,79 triệu đồng/người/năm.

+ Đến năm 2020, tổng giá trị sản xuất ước đạt 57.808 triệu đồng, thu nhập bình quân đạt trên 14,45 triệu đồng/người/năm.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, trong đó nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo, tiếp đến là thương mại dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp, cơ cấu kinh tế như sau:

+ Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm 70%, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 17%; thương mại dịch vụ chiếm 13%.

+ Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm 65%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 19%; thương mại dịch vụ chiếm 16%.

b. Văn hoá – xã hội

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,9% hiện nay xuống 1,7% vào năm 2015 và 1,5% vào năm 2020. Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, đến năm 2015 hộ nghèo (theo Quyết định 09/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2011-2015) phân đầu đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn 5%.

- Phân đầu đến năm 2015 huy động trẻ em đi học lớp 1 đúng độ tuổi. Phổ cập giáo dục mầm non, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đúng độ tuổi; học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, bổ túc văn hoá và dạy nghề đạt 85%. Sau năm 2015 thành lập trường THCS Cầu Bà tại trung tâm xã. Phân đầu lao động qua đào tạo đến 2020 chiếm trên 35% tổng lao động đang làm việc.

- Bổ sung và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế, đến 2015 trạm y tế xã có bác sĩ. Tích cực tuyên truyền và vận động người dân sử dụng biện pháp phòng tránh thai, sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 về dưới 17% để đến năm 2020 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn. Đường giao thông nông thôn, đường ngõ xóm được nâng cấp bê tông xi măng.

2. Kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Hiện nay Cầu Bà đã đạt được 3 tiêu chí về Nông thôn mới bao gồm: Tiêu chí 3 (Thủy lợi), tiêu chí 8 (Bưu điện văn hóa) và tiêu chí 19 (An ninh trật tự xã hội). Kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí theo biểu sau:

Biểu 02: Kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí Nông thôn mới

TT	Tên tiêu chí	Đánh giá hiện trạng	Kế hoạch hoàn thành			
			Năm 2012	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Chưa đạt	X			
2	Giao thông	Chưa đạt			X	
3	Thủy lợi	Đạt				
4	Điện	Chưa đạt		X		
5	Trường học	Chưa đạt			X	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Chưa đạt			X	
7	Chợ nông thôn	Chưa đạt		X		

8	Bưu điện	Đạt			
9	Nhà ở dân cư	Chưa đạt	X		
10	Thu nhập	Chưa đạt			X
11	Hộ nghèo	Chưa đạt		X	
12	Cơ cấu lao động	Chưa đạt			X
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Chưa đạt			X
14	Giáo dục	Chưa đạt		X	
15	Y tế	Chưa đạt	X		
16	Văn hóa	Chưa đạt	X		
17	Môi trường	Chưa đạt		X	
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	Chưa đạt	X		
19	An ninh, trật tự xã hội	Đạt			

III. Quy hoạch và đầu tư xây dựng xã nông thôn mới

1. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

- *Khu sản xuất nông nghiệp*: trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp sẵn có của địa phương, trong đó có hình thành những vùng chuyên canh như sau:

+ Vùng trồng rau, đậu các loại: canh tác tại vùng đất phía Đông xã giáp thị trấn Khánh Vĩnh, canh tác vùng đất ven sông Cái, phía Bắc đường Khánh Lê.

+ Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm: phía Bắc sông Cái, giáp xã Khánh Nam, một phần diện tích phía Nam tuyến đường Khánh Lê.

+ Vùng trồng cây lâu năm khác lấy gỗ: Phân bố chủ yếu trên toàn bộ diện tích đất đồi và trồng ở đất ven đường.

- *Khu phát triển lâm nghiệp*: Điều kiện tự nhiên nhiều đồi núi cao, phân bố khắp địa bàn, thích hợp phát triển lâm nghiệp, phân bố phía Nam xã.

- *Khu trung tâm xã*: Tổng diện tích khoảng 35 ha, nằm hai bên đường Khánh Lê đi qua thôn Đá Bàn (xóm Cầu đường).

- *Không gian phát triển dịch vụ-tiểu thủ công nghiệp*: không gian phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chủ yếu phát triển tại khu dân cư Đá Trắng nằm dọc theo tuyến tỉnh lộ 2.

2. Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất

Theo dự thảo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) đã xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã theo biểu sau:

Biểu 03: Quy hoạch sử dụng đất xã Cầu Bà đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2010 (ha)	Năm 2020 (ha)	Tăng/giảm (-)
	TỔNG DTTN = (1) + (2) + (3)		1.993,47	1.993,47	
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.719,40	1.854,51	135,11
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3,44	3,73	0,29
1.2	Đất trồng cây HN còn lại	HNK	96,36	45,19	-51,17

1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	336,52	346,83	10,31
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	1.282,98	1.458,76	175,78
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,1		-0,1
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	66,07	133,75	67,68
2.1	Đất xây dựng TSCQ, CTSN	CTS	0,13	0,53	0,4
2.2	Đất quốc phòng	CQP		30	30
2.3	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA		1	1
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN		0,47	0,47
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,61	1,68	1,07
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	0,04	0,04	
2.7	Đất sông, suối	SON	20,32	20,32	
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	26,22	53,27	27,05
3	Đất chưa sử dụng	DCS	208	5,21	-202,79
4	Đất khu dân cư nông thôn (đất ở)	ONT	18,65	27,4	8,75

* Phân tích biến động tăng giảm trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất

- Đất nông nghiệp:

+ Diện tích hiện trạng năm 2010 có 1.719,40 ha

+ Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng có 1.656,76 ha (giảm 62,64 ha do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp)

+ Diện tích tăng thêm có 197,75 ha (do trồng mới 107,75 ha và khoanh nuôi 90 ha rừng sản xuất).

+ Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 có 1.854,51 ha.

- Đất phi nông nghiệp:

+ Diện tích hiện trạng năm 2010 có 66,07 ha

+ Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng có 66,07 ha

+ Diện tích tăng thêm có 67,68 ha (do chuyển từ đất nông nghiệp sang 62,64 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng sang 5,04 ha).

+ Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2020 có 133,75 ha.

- Đất chưa sử dụng:

+ Diện tích hiện trạng năm 2010 có 208 ha

+ Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng có 5,21 ha (giảm 202,79 ha do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp và nông nghiệp).

+ Diện tích đất chưa sử dụng đến năm 2020 còn 5,21 ha.

3. Quy hoạch phát triển sản xuất

3.1. Quy hoạch nông nghiệp

a. Trồng trọt

* Cây hàng năm: Cây trồng chủ lực gồm lúa, cây ngô, cây sắn...

Biểu 4: Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm

Hạng mục	ĐVT	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1. Cây Lúa				
- Diện tích gieo trồng	Ha	50,0	25,0	30,0
- Năng suất bình quân	Tạ/ha	24,5	28,0	30,0

- Tổng Sản lượng	Tấn	122,4	70,0	90,0
2. Cây Ngô				
- Diện tích gieo trồng	Ha	140,0	115,0	120,0
- Năng suất bình quân	Tạ/ha	13,2	20,0	25,0
- Tổng Sản lượng	Tấn	184,4	230,0	300,0
3. Cây sắn				
- Diện tích gieo trồng	Ha	176,0	130,0	140,0
- Năng suất bình quân	Tạ/ha	125,4	140,0	140,0
- Tổng Sản lượng	Tấn	2.207,0	1.820,0	1.960,0
4. Cây thực phẩm				
a. Rau xanh	Ha	60,5	45,0	47,0
Năng suất	Tạ/ha	80,2	90,0	100,0
Sản lượng	Tấn	485,2	405,0	470,0
b. Đậu các loại	Ha	29,0	30,0	32,0
Năng suất	Tạ/ha	5,1	7,0	10,0
Sản lượng	Tấn	14,7	21,0	32,0
5. Cây công nghiệp				
a. Cây lạc	Ha	1,0	2,0	3,0
Năng suất	Tạ/ha	15,0	18,0	20,0
Sản lượng	Tấn	1,5	3,6	6,0
b. Đậu tương	Ha		1,5	2,0
Năng suất	Tạ/ha		12,0	14,0
Sản lượng	Tấn		1,8	2,8
c. Vừng	Ha		1,5	2,0
Năng suất	Tạ/ha		4,5	6,0
Sản lượng	Tấn		0,7	1,2

* Cây lâu năm: bố trí hai loại cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp (cây điều) và cây lâu năm khác lấy gỗ (cây keo).

Biểu 5: Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm

Hạng mục	ĐVT	2011	2015	2020
1. Cây điều				
- Tổng diện đất	Ha	257,61	66,05	57,56
TĐ: Diện tích thu hoạch	Ha	64,4	33,03	34,54
- Năng suất bình quân	Tạ/ha	4	7	10
- Sản lượng	Tấn	25,76	23,12	34,54

2. Cây Keo				
- Tổng diện đất	Ha	78,21	294,32	288,82
TD: Diện tích thu hoạch	Ha	33,14	75	95
- Năng suất bình quân	m3/ha	70	70	70
- Sản lượng	m3	2.320	5.250	6.650

b. Chăn nuôi

Tập trung phát triển các vật nuôi truyền thống và thể mạnh của địa phương như bò, lợn và gia cầm. Đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, không chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi. Chủ động nguồn thức ăn, xây dựng chuồng trại xa khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Biểu 6: Quy mô đàn và sản phẩm ngành chăn nuôi của Cầu Bà

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Hiện trạng 2010	Năm quy hoạch	
				Năm 2015	Năm 2020
I	Quy mô đàn	Con			
1	- Đàn bò	"	743	1.000	1.200
2	- Đàn lợn	"	684	1.153	2.124
3	- Đàn gia cầm	"	655	1.261	2.765
II	Sản ngành chăn nuôi	Tấn			
1	- Thịt bò	"	23,78	40	48
2	- Thịt lợn	"	16,76	28,24	52,03
3	- Thịt gia cầm	"	0,98	1,89	4,15

3.2. Quy hoạch lâm nghiệp

Căn cứ Kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) xã Cầu Bà, tổng diện tích đất rừng sản xuất có 1.458,76 ha, chiếm 73,18% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng 175,78 ha so với hiện trạng, do trồng mới 107,75 ha và khoanh nuôi tái sinh 90 ha rừng trên đất chưa sử dụng. Phân bố ở phía Tây và Nam xã.

Biểu 7: Bố trí sản xuất lâm nghiệp xã Cầu Bà

Dvt: ha

Hạng mục	ĐVT	H.trạng 2010	Quy hoạch	
			Năm 2015	Năm 2020
1. Quản lý bảo vệ rừng	ha	317,8	357,8	377,8
2. Trồng rừng sản xuất	ha	10	40	67,75
3. Khoanh nuôi rừng sản xuất	ha		40	50
4. Chăm sóc rừng trồng SX	ha	50		
5. Khai thác rừng trồng SX				
- Gỗ nguyên liệu	m3	145	1.104	2.265

- Cùi	m3	15	110	226
-------	----	----	-----	-----

3.3. Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ

a. Tiểu thủ công nghiệp

- Giai đoạn 2011– 2020 xã Cầu Bà không bố trí xây dựng cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp chủ yếu phát triển ở các hộ gia đình, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; ngành nghề chủ yếu như: chế biến nông lâm sản, chạm khắc, mộc dân dụng, đan lát..., sản xuất cơ khí, rèn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa các loại máy nông nghiệp.

- Bên cạnh khuyến khích các loại hình tiểu thủ công nghiệp phát triển cần tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực bằng việc cử lao động đi đào tạo tại các trung tâm dạy nghề của huyện và của tỉnh; phối hợp với các cơ quan chức năng mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại trung tâm học tập cộng đồng của xã để đào tạo lao động của địa phương.

b. Dịch vụ thương mại

- Phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã tại khu dân cư thôn Đá Trắng dọc theo tỉnh lộ 2 và khu dân cư mới hình thành dọc theo đường Khánh Lê phía Bắc xã, giáp Thị trấn Khánh Vĩnh. Đầu tư nâng cấp xây dựng mới chợ trung tâm xã đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, quy hoạch điểm thu mua nông sản, cung cấp vật tư nông nghiệp... nhằm hỗ trợ cho sản xuất, cung cấp thực phẩm và tiêu thụ hàng hoá nông sản cho nhân dân.

- Khuyến khích và thu hút các hộ trong và ngoài xã đến kinh doanh thương mại, dịch vụ, tập trung phát triển các loại hình như: Bán lẻ hàng công nghệ phẩm tổng hợp, nông sản, thực phẩm, ăn uống, giải khát, vật tư nông nghiệp, xăng dầu, vật liệu xây dựng, vận tải hàng hoá, hành khách, bưu điện, văn hoá, phục vụ du lịch.

4. Quy hoạch xây dựng:

3.1. Quy hoạch các thôn và khu dân cư mới

Xã Cầu Bà có hai thôn, dân cư ở tập trung thuận lợi cho bố trí đất ở và công trình công cộng phục vụ đời sống, sinh hoạt. Khu dân cư thôn Đá Trắng có dân số đông, không còn nhiều quỹ đất để phát triển. Khu dân cư Đá Bàn dân số ít, đất sản xuất còn nhiều, thích hợp phát triển dân cư và công trình hạ tầng xã hội. Quy hoạch khu dân cư được thể hiện theo biểu sau:

Biểu 8: Hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư nông thôn

Chỉ tiêu	Hiện trạng 2010		Quy hoạch 2020	
	DT (Ha)	Tỷ lệ (%)	DT (ha)	Tỷ lệ (%)
1. Khu dân cư thôn Đá Trắng	22,30	100,00	24,71	100,00
- Diện tích đất ở + Vườn	16,70	74,89	18,03	72,97
- Đất công trình công cộng	0,22	0,99	0,92	3,72
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	3,01	13,50	4,87	19,71
- Đất sản xuất nông nghiệp	2,23	10,00	0,36	1,46
- Đất sông suối + chưa sử dụng	0,14	0,63	0,06	0,24
- Đất tôn giáo tín ngưỡng			0,47	1,90

2. Khu dân cư thôn Đá Bàn	20,18	100,00	28,40	100,00
- Diện tích đất ở + Vườn	13,22	59,28	19,11	77,34
- Đất công trình công cộng	0,23	1,03	2,88	11,66
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	3,70	16,59	5,70	23,07
- Đất sản xuất nông nghiệp	2,82	12,65	0,50	2,02
- Đất sông suối + chưa sử dụng	0,21	0,94	0,21	0,85

3.2. Quy hoạch khu trung tâm xã

- Khu trung tâm xã diện tích 35 ha, tại thôn Đá Bàn, có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp sông Cái

+ Phía Nam giáp núi

+ Phía Đông ranh giới từ cầu Cầu Bà (xóm Cầu đường)

+ Phía Tây ranh giới từ nghĩa địa cũ của xã.

- Khu trung tâm xã bố trí đất ở dân cư, trụ sở UBND xã, các công trình giáo dục gồm: THCS Cầu Bà, tiểu học Cầu Bà...

Biểu 9: Hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất khu trung tâm xã

Loại đất	Năm 2010		Năm 2020		So sánh Tăng/ (-) (ha)
	Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	
	(ha)	(%)	(ha)	(%)	
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	35,00	100,00	35,00	100,00	
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP	23,45	67,00	13,97	39,91	-9,48
1. Đất cây hàng năm	13,86	39,60	7,45	21,29	-6,41
1.1. Đất trồng lúa	0,67	1,91	0,66	1,89	-0,01
1.2. Đất trồng cây hàng năm khác	13,19	37,69	6,79	19,40	-6,40
2. Đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	0,10	0,29	0,10	0,29	
3. Đất trồng cây lâu năm	9,49	27,11	6,42	18,34	-3,07
II. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	10,84	30,97	20,33	58,09	9,49
1. Đất ở tại nông thôn	8,12	23,20	12,51	35,74	4,39
2. Đất chuyên dùng	1,63	4,66	7,56	21,60	5,93
2.1 Đất trụ sở cơ quan, CT sự nghiệp			0,50	1,43	0,50
2.2. Đất công trình công cộng	1,63	4,66	6,66	19,03	5,03
- Đất giao thông	1,57	4,49	5,01	14,31	3,44
- Đất giáo dục	0,03	0,09	1,60	4,57	1,57
- Đất văn hóa	0,03	0,09	0,05	0,14	0,02
3. Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,58	1,66	0,45	1,29	-0,13
4. Đất suối, MN chuyên dùng	0,51	1,46	0,21	0,60	-0,30
III. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	0,71	2,03	0,70	2,00	-0,01
- Đất bằng chưa sử dụng	0,71	2,03	0,70	2,00	-0,01

3.3. Quy hoạch công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông:

- Làm mới và nâng cấp 2 tuyến đường trục thôn, xóm có tổng chiều dài 0,69km, mặt đường 3,5m chất lượng bê tông xi măng.

- Làm mới và nâng cấp 8 tuyến đường ngõ, xóm có tổng chiều dài 1,136 km, mặt đường 3-3,5m chất lượng bê tông xi măng.

- Làm mới và nâng cấp 10 tuyến đường sản xuất có tổng chiều dài 20,141km, mặt đường 3,5m nền đường 6m, chất lượng bê tông xi măng.

b. Điện:

- Trạm biến áp: Đầu tư xây dựng mới ba trạm biến áp công suất mỗi trạm 100KVA. Nâng cấp trạm biến áp xóm Cầu đường từ 15 KVA lên 50 KVA.

- Đường dây: Đầu tư thêm 2 km đường dây hạ thế cho khu trung tâm xã và các khu dân cư mới hình thành.

- Công tơ điện: đầu tư cho 115 hộ hiện tại chưa có công tơ điện.

c. Trường học:

- Quy hoạch mới khu đất trường mầm non Cầu Bà diện tích 3.000 m² tại thôn Đá Trắng. Đầu tư xây dựng đạt chuẩn Bộ Giáo dục.

- Quy hoạch mới khu đất trường tiểu học diện tích 6.000 m² tại khu trung tâm xã. Đầu tư xây dựng đạt chuẩn Bộ Giáo dục.

- Quy hoạch mới khu đất trường THCS đạt chuẩn vào năm học 2016-2017 diện tích 10.000 m² tại khu trung tâm xã.

d. Văn hóa:

- Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã diện tích 4.000m², xây dựng sân tập thể thao đơn giản kích thước 18m x 38 m.

- Mở rộng diện tích nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đá Bàn, đầu tư xây dựng đạt chuẩn Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch.

- Điểm mẫu giáo Đá Trắng chuyển thành nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đá Trắng. Đầu tư xây dựng đạt chuẩn Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch.

- Đầu tư san nền sân bóng đá xã, diện tích 1,2 ha tại thôn Đá Trắng.

e. Chợ:

- Đầu tư nâng cấp xây dựng chợ xã loại III, phần đất đạt chuẩn quốc gia vào giai đoạn 2012-2015, diện tích đất của chợ 1.500 m².

- Đầu tư xây dựng công trình vệ sinh, bể thu gom rác, bãi đỗ xe, hệ thống cấp thoát nước.

f. Nhà ở dân cư:

- Đầu tư xây mới 113 cho các hộ có nhà tạm, nhà dột nát chưa đạt chuẩn.

- Đầu tư xây dựng nhà cho khoảng 80 hộ phát sinh, đầu tư xây dựng nhà đạt chuẩn Bộ xây dựng cho 70 hộ.

g. Y tế:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,7% vào năm 2015 và ở mức 1,5% vào năm 2020. Duy trì tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm trên 98%, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 18%...

- Bổ sung bác sĩ và thiết bị khám chữa bệnh (máy điện tim đồ, siêu âm, đường huyết); Tuyên truyền vận động người dân sử dụng các biện pháp tránh thai, sinh đẻ có kế hoạch, đến năm 2020 tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm xuống còn 15-17%.

h. Môi trường:

- Đầu tư nâng cấp hệ thống cấp nước tự chảy cho hai thôn, khu trung tâm xã.

- Xây dựng nghĩa trang xã 1,2 ha tại khu sản xuất phía Tây xã.
- Hỗ trợ các hộ xây dựng nhà vệ sinh;
- Tổ chức thu gom rác thải tại khu trung tâm và các khu dân cư Đá Trắng, Đá Bàn. Xây dựng hệ thống thoát bẩn khu trung tâm xã

5. Các dự án ưu tiên

- Ưu tiên làm đường giao thông các tuyến sản xuất quan trọng: tuyến vào khu quốc phòng, tuyến sản xuất thôn Đá Bàn... Bê tông hóa các tuyến ngõ xóm của thôn Đá Trắng...

- Đầu tư nâng cấp hệ thống nước tự chảy, hệ thống bể lọc, hệ thống ống dẫn nước về khu dân cư.

- Xây dựng nhà văn hóa các thôn, xây dựng sân thể thao đơn giản, phục vụ nhu cầu vui chơi cho người dân.

- Đầu tư xây dựng trường mẫu giáo đạt chuẩn Bộ giáo dục. đầy đủ trang thiết bị học tập và sinh hoạt cho các cháu...

6. Vốn đầu tư, kế hoạch đầu tư

- Tổng vốn đầu tư cần 98.255 triệu đồng trong đó:

+ Giai đoạn 2012 – 2015 đầu tư 35.276 triệu đồng, chiếm 35,90%

+ Giai đoạn 2016 – 2020 đầu tư 62.979 triệu đồng, chiếm 64,10%

- Phân nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn đầu tư Ngân sách 62.101 triệu đồng, chiếm 63,20% tổng vốn đầu tư.

+ Doanh nghiệp đầu tư 12.101 triệu đồng, chiếm 12,32% tổng vốn đầu tư;

+ Vốn tín dụng: 10.396 triệu đồng, chiếm 10,58% tổng vốn đầu tư;

+ Huy động nhân dân 12.646 triệu đồng, chiếm 12,87% tổng vốn đầu tư;

+ Vốn khác: 1.010 triệu đồng, chiếm 1,03% tổng vốn đầu tư.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, UBND xã Cầu Bà triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu đề ra.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Khánh Vĩnh, Chủ tịch UBND xã Cầu Bà và thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KTHT, Trg.



11 LÊ VĂN HOA

